TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 13/2019/DS-PT Ngày 07-5- 2019 V/v tranh chấp về thừa kế tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1171/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Thông báo dời lịch phiên tòa số 1574/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Tô Thị K; nơi cư trú: Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà Tô Thị L1; ĐKHKTT Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Tổ dân phố T, phường Th, quận DK, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Bà Tô Thị L (tên gọi khác là Tô Thị C1); nơi cư trú: Số 15/164 đường ChH, phường HN, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Bà Tô Thị C2; nơi cư trú: Số 15/164 đường ChH, phường HN, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Ông Tô Quang H (tên gọi khác là Tô Quang T1); ĐKHKTT số 01/164 đường ChH, phường HN, quận LC, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Số 36/33 đường số 1, Lý PhM, phường BT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị K, bà Tô Thị L1, bà Tô Thị L, ông Tô Quang H: Bà Tô Thị C2; nơi cư trú: Số 15/164 đường Chùa Hg, phường Hồ Nam, 1uận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Ông Tạ Ngọc B- Luật sư, công ty Luật Bảo Anh, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đức Thị C; nơi cư trú: Số 191 đường ThĐ, tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tô Quang T2; nơi cư trú: Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà Tô Thị Đ; nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Hợp, phường Tân THh, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Tô Quang Ph; nơi cư trú: Số 191 đường Thượng Đức, Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, có mặt.

4. Chị Vũ Thị H; nơi cư trú: Số 191 đường Thượng Đức, Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, tHh phố Hải Phòng, vắng mặt.

5. Anh Tô Quang T3; nơi cư trú: Số 191 đường Thượng Đức, Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng.

- *Người kháng cáo*: Các ông bà Tô Thị K, Tô Thị L, Tô Thị C2, Tô Thị L1, Tô Quang H, Đức Thị C, Tô Quang T2, Tô Thị Đ, anh Tô Quang Ph, anh Tô Quang T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau: Cụ Tô Quang Điềm, sinh năm 1911, chết năm 1985 và cụ Nguyễn Thị Khuy, sinh năm 1917, chết năm 1991. Hai cụ sinh được bẩy người con là các ông bà : Tô Thị K, Tô Thị L1, Tô Thị L (tức Cử), Tô Thị C2, Tô Thị Đ, Tô Quang T3, Tô Quang H (tức T1), và không có con nuôi, con nhận. Hai cụ có khối tài sản gồm diện tích 953,1m^2 đất (đo thực tế là 936,2m^2 đất) tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 43, tại Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS trên đất có 01 nhà chính 03 gian và 01 cây dừa và 02 cây hồng xiêm.

Trước khi cụ Điềm chết có dặn dò con cháu và lời nói của cụ Điềm được ghi âm vào băng cassette. Khi đó có cả cụ Khuy và bẩy người con của hai cụ có mặt. Ngoài ra, có rất đông các cháu của hai cụ chứng kiến. Nội dung cụ thể lời dặn dò của cụ Điềm được ghi vào băng cassette sau đó sao ra CD như sau: *"Phen này tuổi già lâm bệnh, muốn nhắn nhủ những vấn đề cho con cháu sau này! Một: Bất nhân trai, gái nội ngoại, anh em đoàn kết với nhau để duy trì cuộc sống, lúc có cũng như lúc làm ăn gặp khó khăn, không nên tranh giành những thứ nhỏ bé không đáng mà gây*

nên mất đoàn kết, điều đó phương ngại vô cùng, cố gắng làm ăn sản xuất để nuôi gia đình, đóng góp vào với xã hội, Chính phủ, không ai được làm những điều gian tham phi pháp, phạm vào pháp tắc Nhà nước. Đó là lời dặn duy nhất của tôi, khuyên các con các cháu nội, ngoại. Còn riêng về cái nhà này, thằng T1 sẽ làm lại cuộc đời này, anh chị em nên tha thứ, cho nó cái nhà, cái đất, phương tiện, đồ đạc, tiện nghi cho nó đủ dùng, còn của tôi có tí gì để thừa hưởng, nếu liệu sau này thì anh em bàn bạc với nhau cho nhất trí. Còn tôi, muốn nói lên cái tiểu sử của tôi, để sau này nếu tôi còn sống thì không nói làm gì, tôi có chết thì khi làm lễ phát tang, đọc cái tiểu sử: Tôi sinh quán tại thôn Quần Mục, xã Đại Hợp hiện nay, sinh năm 1911 đến năm 1914 toàn thể gia đình di chuyển đến thôn Đức Hậu làm ăn sinh sống, thế là tôi sống trên làng Đức Hậu 71 năm, sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà nho nghèo". Băng cassette ghi lời dặn dò của cụ Điềm đã thất lạc.

Các nguyên đơn là bà Tô Thị K, bà Tô Thị L1, bà Tô Thị L, bà Tô Thị C2 và ông Tô Quang H trình bày: Sau khi hai cụ chết bà L1 là người quản lý di sản của hai cụ, đến năm 1993 bà L1 đi lấy chồng và giao lại cho bà Đức Thị C (vợ ông Tô Quang H) và hai con trai là Tô Quang Ph và Tô Quang T3 quản lý, sử dụng đến nay. Lúc còn sống hai cụ là người đóng tiền thuế sử dụng đất, từ khi hai cụ chết, bà C là người đóng tiền thuế sử dụng đất. Năm 1999, bà C xây thêm 01 bể nước lọc và làm giếng khoan, làm sân xi măng. Năm 2009, anh Ph xây 01 nhà cấp 4, tường 10, có cả công trình phụ, diện tích khoảng 70m^2; anh T3 xây dựng 01 nhà cấp 4, khoảng 17m^2.

Cụ Khuy chết do bị tan nạn ô tô, chết đột ngột nên không kịp dặn dò con cháu điều gì. Cụ cũng không để lại di chúc dưới bất kỳ hình thức nào. Do băng cassette ghi lời dặn dò của cụ Điềm đã thất lạc nên các nguyên đơn coi như cụ Điềm chết không để lại di chúc. Nay các nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà C phải trả lại toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất nêu trên và chia di sản của hai cụ cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật. Việc mẹ con bà C tự ý xây dựng nhà cửa trên diện tích đất của hai cụ mà không có sự đồng ý của 07 người con của cụ là sai, trường hợp phải chia di sản thừa kế của hai cụ nguyên đơn không đồng ý bồi thường những tài sản do mẹ con bà C xây dựng trái phép trên đất của hai cụ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia ngôi nhà 03 gian và cây cối hoa màu trên đất.

Bị đơn là bà Đức Thị C trình bày: Từ sau khi hai cụ chết thì mẹ con bà quản lý, sử dụng di sản của hai cụ và bà là người đóng thuế sử dụng đất từ năm 1984 khi hai cụ vẫn còn sống, đến nay bà đã đóng thuế được 33 năm. Bà về ở với ông T1 từ năm 1984 và chung sống cùng nhà với hai cụ. Năm 1989 thì ông T1 vượt biên sang Hồng Kông, từ đó C2 còn mình bà và hai con trai là Ph và T3 chung sống cùng hai cụ, đến năm 1991 khi cụ Khuy chết thì ông T1 mới về Việt Nam, nhưng ông T1 không về chung sống cùng mẹ con bà mà ở với người phụ nữ khác trên nội thành Hải Phòng. Lời dặn dò của cụ Điềm không phải là di chúc mà C2 là lời dặn dò con cháu trước khi chết của cụ. Còn cụ Khuy trước khi chết có để lại di chúc bằng lời nói với nội dung là để lại nhà và đất của hai cụ cho cháu Ph và cháu T3 quản lý, sử dụng. Lời nói của cụ Khuy được nói tại nhà trong dịp cúng giỗ, có 6 người con đẻ của cụ chứng kiến (trừ ông H) và một số người trong họ nhưng đa phần họ đã chết. Bà không đồng

ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì mẹ con bà đã sinh sống ổn định tại nhà đất của hai cụ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước từ cuối năm 1984 đến nay. Trong trường hợp Tòa án chia di sản của hai cụ theo quy định pháp luật, bà yêu cầu phải trả công sức tôn tạo, quản lý, bảo vệ di sản thừa kế của hai cụ từ khi hai cụ chết cho đến nay và giá trị tài sản mà mẹ con bà đã tạo dựng trên diện tích đất của hai cụ.

Tại biên bản ghi lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ, anh Tô Quang Ph, chị Vũ Thị H và anh Tô Quang T3 trình bày: Thống nhất với lờ i trình bày trên của bà C.

Ngoài ra ông T2 bà Đ còn có ý kiến: Trường hợp Tòa án chia di sản của hai cụ theo quy định pháp luật, ông bà để lại phần của mình cho cháu Ph và cháu T3. Đồng thời tính công sức tôn tạo, quản lý, bảo vệ di sản thừa kế của hai cụ từ khi hai cụ chết đến nay cho bà C và giá trị tài sản mà mẹ con bà C đã tạo dựng trên diện tích đất của hai cụ.

Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn , thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 4, khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2 Điều 25, khoản 4 Điều 36 của Pháp lệnh về thừa kế năm 1990,

Căn cứ vào Điều 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, 7, 9, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản của cụ Tô Quang Điềm và cụ Nguyễn Thị Khuy để lại theo pháp luật.

1. Giao cho bà Đức Thị C quản lý, sử dụng diện tích 147 m^2 đất. Bà C được sở hữu các tài sản gắn liền với đất là nhà số 2. Trị giá quyền sử dụng đất bà C được giao quản lý, sử dụng là 558.600.000 (*Năm trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn*) đồng.

2. Giao cho ông Tô Quang T2 quản lý, sử dụng diện tích 110,9 m^2 đất. Ông T2 được sở hữu các tài sản gắn liền với đất là phần bán mái tôn mạ màu sườn sắt (sát cạnh nhà số 2). Trị giá quyền sử dụng đất ông T2 được giao quản lý, sử dụng là 421.420.000 (*Bốn trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn*) đồng.

3. Giao cho bà Tô Thị Đ quản lý, sử dụng diện tích 111,1 m^2 đất. Trị giá quyền sử dụng đất bà Đ được giao quản lý, sử dụng là 422.180.000 (*Bốn trăm hai mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn*) đồng.

4. Giao cho bà Tô Thị K quản lý, sử dụng diện tích 112 m^2 đất. Bà K được sở hữu các tài sản gắn liền với đất là một phần nhà số 3. Trị giá quyền sử dụng đất bà K được giao quản lý, sử dụng là 425.600.000 (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn*) đồng.

5. Giao cho bà Tô Thị L quản lý, sử dụng diện tích 111,0 m^2 đất. Bà L được sở hữu các tài sản gắn liền với đất là một phần nhà số 3. Trị giá quyền sử dụng đất bà L được giao quản lý, sử dụng là 421.800.000 (*Bốn trăm hai mươi mốt triệu tám trăm nghìn*) đồng.

6. Giao cho bà Tô Thị C2 quản lý, sử dụng diện tích 111,9 m^2 đất. Bà C2 được sở hữu các tài sản gắn liền với đất là một phần nhà số 1 và một phần nhà số 3. Trị giá quyền sử dụng đất bà C2 được giao quản lý, sử dụng là 425.220.000 (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn*) đồng.

7. Giao cho ông Tô Quang H quản lý, sử dụng diện tích 112,1 m^2 đất. Ông H được sở hữu các tài sản gắn liền với đất là một phần nhà số 3.Trị giá quyền sử dụng đất ông H được giao quản lý, sử dụng là 425.980.000 (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng.

8. Giao cho bà Tô Thị L1 quản lý, sử dụng diện tích 118,7 m^2 đất. Trị giá quyền sử dụng đất bà L1 được giao quản lý, sử dụng là 451.060.000 (*Bốn trăm năm mươi mốt triệu không trăm sáu mươi nghìn*) đồng.

9. Buộc bà C phải trả cho bà K, bà L1, ông T2, bà Đ, bà L, bà C2, ông H số tiền 380.000.000 đồng. Chia kỷ phần cụ thể mỗi người là 54.286.000 (*Năm mươi tư triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn*) đồng.

10. Buộc bà C phải trả cho anh Tô Quang Ph và chị Vũ Thị H số tiền 188.204.000 (*Một trăm tám mươi tám triệu hai trăm linh bốn nghìn*) đồng.

11. Buộc bà K, bà L, bà C2 phải trả cho anh Tô Quang T3 số tiền 168.849.914 đồng. Chia kỷ phần cụ thể mỗi người là 56.283.000 (*Năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn*) đồng.

12. Buộc ông T2 phải trả cho anh Ph và chị H số tiền 7.588.000 (*Bảy triệu năm trăm tám mươi tám nghìn*) đồng.

Bà C, anh Ph, chị H, anh T3 là người đang quản lý, sử dụng các tài sản thừa kế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản thừa kế cho bà K, bà L1, ông T2, bà Đ, bà L, bà C2, ông H theo nội dung bản án này.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Các ông bà Tô Thị K, Tô Thị L1 (tức C1), Tô Thị L, Tô Thị C2, Tô Quang H (tức T1) kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm:

+ Xem xét lại toàn bộ quá trình thủ tục tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn.

+ Đối với phần công sức của bà Đức Thị C thì tính bằng tiền không tính bằng đất, vì bà Đức Thị C có nhà ở chỗ khác.

+ Không đồng ý bồi thường vật kiến trúc cho anh Tô Quang Ph và anh Tô Quang T3 vì hai ngôi nhà này xây dựng trái phép.

+ Chia đều di sản của hai cụ cho hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

- Ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ kháng cáo với nội dung : Không đồng ý chia tài sản của bố mẹ vì trước khi chết hai cụ đã đã dặn dò nhà đất để lại cho hai cháu Tô Quang Ph và Tô Quang T3.

- Bà Đức Thị C kháng cáo với nội dung: Tòa án tính công sức trông coi, quản lý, giữ gìn di sản , làm nghĩa vụ với Nhà nước và chăm sóc hai cụ từ năm 1984 bằng 47m^2 đất là không hợp lý. Tòa án giao cho bà sử dụng phần đất có nhà của con trai bà và phải trả tiền cho con trai là 188.204.000 đồng và các nguyên đơn là 380.000.000 đồng là không hợp lý.

- Anh Tô Quang Ph kháng cáo với nội dung: Tòa án không xem xét công bảo vệ, tôn tạo, vật lập cho vợ chồng anh là chưa đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng anh.

- Anh Tô Quang T3 kháng cáo với nội dung: Tòa án Đồ Sơn xác định vụ án còn thời hiệu là chưa chính xác . Tòa án tính công sức cho mẹ anh chưa hợp lý . Đề nghị Tòa án xét lại biên bản họp gia đình năm 2009 vì theo biên bản này các ông bà Tô Thị K, Tô Thị Đ, Tô Thị L1, Tô Quang T2 đã cho hai cháu Tô Quang Ph và Tô Quang T3. Đề nghị Tòa án hoãn chia di sản thừa kế vì con anh còn nhỏ mới 3 tháng tuổi, vợ chồng anh không có nơi ở khác.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn trình bày : Nguyên đơn vẫn giữ nguyên n ội dung kháng cáo . Về phần công sức của bà Đức Thị C thì chỉ đồng ý thanh toán bằng tiền , không thanh toán bằng đấ t vì mẹ con bà Đức Thị C đã có nhà ở nơi khác . Việc này tại phiên tòa phúc thẩm anh Tô Quang Ph đã thừa nhận. Ngôi nhà của anh Tô Quang Ph xây năm 2009, ngôi nhà của anh Tô Quang T3 xây năm 2017 không có giấy phép xây dựng , khi xây không được sự đồng ý của các ông bà Tô Quang H , Tô Thị K , Tô Thị L 1, Tô Thị L, Tô Thị C 2 nên các nguyên đơn không chấp nhận bồi thường hai ngôi nhà do anh Tô Quang Ph và Tô Quang T3 xây dựng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn.

Bà Tô Thị C2 trình bày: Thống nhất với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Bị đơn bà Đức Thị C trình bày : Khi cụ Nguyễn Thị Khuy chết có để lại di chúc, dặn dò cho mẹ con bà tài sản của hai cụ nên các con bà mới xây dựng nhà ở . Vì vậy việc hai con bà xây dựng nhà cửa là không trái phép. Bà ở với hai cụ thì hai cụ đã già, các con đi ở riêng hết , bà là người trông nom nhà cửa , đóng thuế đất, Tòa án chỉ

chia cho bà 47m^2 đất là không thỏa đáng công sức của bà . Bà không có nơi ở khác, nhà của anh Tô Quang Ph và Tô Quang T 3 không liên quan đến bà vì các con xây bằng nguồn tiền của các con.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tô Quang Ph trình bày: Khi anh xây nhà trên đất thì các bác đều biết và không ai có ý kiến gì . Nhà của anh em anh xây không thuộc trường hợp phải xin cấp phép. Khi bà nội anh còn sống đã có lời dặn dò cho anh em anh nhà đất của ông bà nội. Năm 2009 bác trưởng còn lập văn bản cho diện tích đất của ông bà nội cho anh em anh, biên bản có bác trưởng là Tô Quang T2, bác Tô Thị K, bác Tô Thị Đ, bác Tô Thị L1 ký. Ngày 26 tháng 01 năm 2019, mẹ con anh đã mời một số người làm chứng việc ông bà nội cho anh em anh đất đai nhà cửa để lập vi bằng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tô Quang T3 trình bày: Nhà của anh xây năm 2009 chứ không phải xây năm 2017 như bà Tô Thị C2 nói. Khi anh xây dựng thì các bác đều đồng ý . Đất của nhà anh chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không phải xin cấp phép . Khi anh xây dựng chính quyền địa phương không kiểm tra, không xử phạt. Thời hiệu chia di sản thừa kế của ông bà nội anh đã hết, các nguyên đơn không còn qu yền thừa kế. Ba mẹ con anh là người được hưởng di sản thừa kế của ông bà nội. Nếu mẹ anh được chia phần đất có ngôi nhà do anh xây dựng thì anh không buộc mẹ anh phải bồi thường mà để hai mẹ con tự giải quyết với nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Vụ án còn trong thờ i hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Tô Quang Điềm và cụ Nguyễn Thị Khuy.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ , xác định thửa đất số 29, tờ bản đồ số 473, diện tích 936,2m^2 tại Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Tô Quang Điềm và Nguyễn Thị Khuy và được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm bẩy người con. Tuy nhiên, trước khi chia di sản thừa kế phải tính đến công sức duy trì khối di sản cho bà Đức Thị C. Do bà C ở trên đất của các cụ từ năm 1984 đến nay đã có công sức quản lý, tôn tạo, duy trì di sản, nộp thuế quyền sử dụng đất và có công chăm sóc, phụng dưỡng các cụ. Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức quản lý, duy trì di sản cho bà Đức Thị C 47m^2 đất là chưa thỏa đáng. Do vậy, cần phải tăng công sức duy trì khối tài sản của bà C là 136m^2 đất bằng 516.8000.000 đồng tương ứng với 15% trị giá tài sản mới đảm bảo được quyền và lợi ích cho bà. Còn lại 800 m^2 chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông bà Tô Thị K, bà Tô Thị L1, bà Tô Thị L, bà Tô Thị C2, Tô Quang H, ông Tô Quang T2, Tô Thị Đ mỗi người được 114m^2.

Nguyên đơn cho rằng việc anh Tô Quang Ph, anh Tô Quang T3 xây dựng trái phép các công trình nhà ở trên đất của hai cụ nhưng không có chứng cứ chứng minh việc xây dựng này là trái phép, vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm

anh Tô Quang Ph trình bày có nơi ở mới, không còn sinh sống tại ngôi nhà xây trên di sản của các cụ nữa nên đề nghị anh Tô Quang Ph tự tháo dỡ ngôi nhà số hai. Anh Tô Quang T3 đang sinh sống tại ngôi nhà số ba được xây dựng trên di sản của hai cụ, anh đồng ý cho bà Đức Thị C ở cùng và không phải bồi thường giá trị xây dựng. Do vậy các đương sự không ai phải có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị xây dựng ngôi nhà số hai và số ba cho vợ chồng anh Tô Quang Ph và anh Tô QuangT3.

Từ phân tích trên , đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm c hấp nhận một phần kháng cáo của đồng nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ, anh Tô Quang Ph, anh Tô Quang T3, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của luật sư, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết : Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản ", theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Các ông bà Tô Thị K , Tô Thị L1, Tô Thị L, Tô Quang H vắng mặt nhưng có người đại diện theo theo ủy quy ền có mặt . Ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ vắng mặt nhưng trong lời khai có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bội luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về tố tụng: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ xác định T òa án cấp sơ thẩm đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử như : Thông báo thụ lý , lấy lời khai của đương sự , tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thẩm định, định giá tài sản...tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, xác định đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án. Như vậy Bản án sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng.

[4] Về thời hiệu thừa kế : Cụ Tô Quang Điềm chết năm 1985 và cụ Nguyễn Thị Khuy chết năm 1991, căn cứ khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh về thừa kế năm 1990, điểm b Điều 10 Nghị quyết số 02 ngày 19 tháng 10 năm 1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh về thừa kế, khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao , tháng 6 năm 2018 nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Tô Quang Điềm và Nguyễn Thị Khuy thì vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về diện và hàng thừa kế : Bản án sơ thẩm xác định đúng diện và hàng thứ kế của cụ Tô Quang Điềm và Nguyễn Thị Khuy.

[6] Xét di sản thừa kế : Căn cứ vào lời khai của các đương sự có cơ sở xác định 953,1m^2 đất (đo thực tế 936,3m^2) tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 43, tại Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS trên đất có một nhà chính ba gian và một cây dừa và hai

cây hồng xiêm là di sản của cụ Tô Quang Điềm và cụ Nguyễn Thị Khuy. Vấn đề phải xem xét là trước khi khi hai cụ chết có để lại di chúc không?

[6.1] Xét lời dặn dò của cụ Tô Quang Điềm: Các đương sự đều thống nhất trước khi cụ Tô Quang Điềm chết có dặn dò các con *"Phen này tuổi già lâm bệnh, muốn nhắn nhủ những vấn đề cho con cháu sau này! Một: Bất nhân trai, gái nội ngoại, anh em đoàn kết với nhau để duy trì cuộc sống, lúc có cũng như lúc làm ăn gặp khó khăn, không nên tranh giành những thứ nhỏ bé không đáng mà gây nên mất đoàn kết, điều đó Ph ngại vô cùng, cố gắng làm ăn sản xuất để nuôi gia đình, đóng góp vào với xã hội, Chính phủ, không ai được làm những điều gian tham phi pháp, phạm vào pháp tắc Nhà nước. Đó là lời dặn duy nhất của tôi, khuyên các con các cháu nội, ngoại. Còn riêng về cái nhà này, thằng T1 sẽ làm lại cuộc đời này, anh chị em nên tha thứ, cho nó cái nhà, cái đất, phương tiện, đồ đạc, tiện nghi cho nó đủ dùng, còn của tôi có tí gì để thừa hưởng, nếu liệu sau này thì anh em bàn bạc với nhau cho nhất trí. ..."*. Lời dặn dò của cụ được ghi vào băng cassette tuy nhiên băng này hiện thất lạc không biết ở đâu nên các đương sự đều thống nhất lời dặn dò này không phải l à di chúc của cụ Điềm.

[6.2] Xét cụ Nguyễn Thị Khuy có để lại di chúc không ? Bà Đức Thị C, ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ, anh Tô Quang Ph, anh Tô Quang T3 có lời khai trước khi chết cụ Nguyễn Thị Khuy có để lại di chúc bằng lời nói với nội dung là để lại nhà và đất của hai cụ cho cháu Tô Quang Ph và cháu Tô Quang T3 quản lý, sử dụng. Lời nói của cụ Nguyễn Thị Khuy được nói tại nhà trong dịp cúng giỗ cụ Tô Quang Điềm năm 1990, có 6 người con đẻ của cụ và một số người trong họ chứng kiến (trừ ông Tô Quang H). Xét: Bà Tô Thị C 2, Tô Thị K , Tô Thị L 1, Tô Thị L, ông Tô Quang H không thừa nhận cụ Nguyễn Thị Khuy để lại di chúc miệng . Hơn nữa d iện tích 936,2m^2 đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 43, tại Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS và 01 nhà chính 03 gian, một số cây lưu niên là tài sản chung vợ chồng của cụ Tô Quang Điềm và cụ Nguyễn Thị Khuy. Tại thời điểm năm 1990 cụ Tô Quang Điềm đã mất nên cụ Nguyễn Thị Khuy chỉ có quyền định đoạt ½ khối tài sản trên. Bà Đức Thị C có xuất trình Vi bằng lập ngày 26 tháng 11 năm 2019 có lời trình bày của cụ Tô Thị V và ông Nguyễn Khắc Th và một số người thể hiện tại đám giỗ cụ Tô Quang Điềm năm 1990 thì cụ Nguyễn Thị Khuy có tuyên bố nhà đất của cụ Nguyễn Thị Khuy và cụ Tô Quang Điềm thì cho bà Đức Thị C và hai con là Tô Quang Ph và Tô Quang T3. Theo khoản 3 Điều 18 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì *"Sau ba tháng kể từ ngày lập di chúc miệng, nếu người lập di chúc còn sống và minh mẫn, thì coi như di chúc miệng đó bị huỷ bỏ".* Như vậy nếu thực sự cụ Nguyễn Thị Khuy có để lại di chúc miệng thì di chúc của cụ được tuyên bố tại đám giỗ cụ Tô Quang Điềm tháng 4 năm 1990 nhưng tháng 8 năm 1991 cụ Khuy chết thì di chúc miệng của cụ Nguyễn Thị Khuy cũng đã đương nhiên bị hủy bỏ.

[7] Xét Biên bản họp gia đình ngày 10 tháng 8 năm 2009: Nội dung biên bản các con của cụ Tô Quang Điềm và Nguyễn Thị Khuy nhất trí tặng cho hai cháu Tô Quang Ph và Tô quang T 3 phần di sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật . Biên bản có xác nhận của chính quyền địa phương, có chữ ký của các ông bà Tô Quang T2, Tô Thị K, Tô Thị Đ, Tô Thị L1 nhưng không có chữ ký của bà Tô Thị C2, bà Tô Thị L và ông Tô Quang H . Hơn nữa anh Tô Quang Ph và Tô Quang T 3 cũng

chưa được sang tên , chưa đăng ký quyền sử dụng và sở hữu , theo Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì việc tặng cho nêu trên cũng chưa có hiệu lực.

[8] Từ phân tích trên thì cụ Tô Quang Điềm, Nguyễn Thị Khuy chết không để lại di chúc, do vậy di sản của hai cụ là 936,2m^2 đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 43, tại Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS được phân chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ.

[9] Xét công sức của bà Đức Thị C: Bà Đức Thị Cổng về ở cùng hai cụ từ năm 1984, lúc đó các con của hai cụ đã xây dựng gia đình ra ở riêng , cụ Tô Quang điềm và Nguyễn Thị Khuy đã lớn tuổi, một năm sau cụ Tô Quang Điề m chết, sau khi bà Đức Thị C sinh anh Tô Quang T 3 thì ông Tô Quang H bỏ đi Hồng Kông, năm 1991 cụ Nguyễn Thị Khuy chết, chỉ còn bà Đức Thị C ở trông coi, giữ gìn đất cát nhà cửa, làm nghĩa vụ với Nhà nước và nuôi dậy các con cho đến nay . Như vậy kể từ thời điểm bà Đức Thị C về ở trên đất đến nay là 35 năm, nên khi chia di sản thừa kế của hai cụ cần phải tính công sức cho bà Đức Thị C cho thỏa đáng. Di sản hai cụ để lại là 936,2m^2 đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 43, tại Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, theo kết quả định giá có giá trị 3.621.780.000 đồng (3.800.000đồng/m^2), Bản án sơ thẩm tí nh công sức cho bà Đức Thị C bằng 47m^2 đất có trị giá là 178.600.000 đồng là chưa thỏa đáng, chưa tương xứng với công sức của bà Đức Thị C. Trên cơ sở phân tích công sức của bà Đức Thị C nêu trên cũng như xem xét trị giá to àn bộ tài sản, Hội đồng xét xử tính công sức cho bà Đức Thị C bằng 15% trị giá tài sản, tương đương là 138,2m^2 đất có trị giá 525.160.000 đồng.

[10] Phân chia di sản thừa kế : Như phân tích trên sau khi trừ công sức của bà Đức Thị C thì di sản thừa kế của cụ Tô Quang Điềm và Nguyễn Thị Khuy còn 798m^2 đất. Diện tích đất rộng, các đương sự đều có nguyện vọng được chia bằng hiện vật, vì vậy chia cho các ông bà Tô Quang T2, Tô Thị K, Tô Thị Đ, Tô Thị L1, Tô Thị C2, Tô Thị L, Tô Quang H mỗi người 114m^2 đất có trị giá 433.200.000 đồng.

[11] Ông Tô Quang T2 có nguyện vọng được nhận phần đất có ngôi nhà của bố mẹ để sau này ông sửa chữa thành nơi thờ cúng vì ông là con tr ưởng. Xét nguyện vọng của ông Tô Quang T2 là hợp tình, hợp lý nên cần chấp nhận và giao cho ông Tô Quang T2 114m^2 đất tại vị trí có ngôi nhà của cụ Tô Quang Điềm và Nguyễn Thị Khuy, (vị trí kích thước mốc giới có sơ đồ kèm theo).

[12] Ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ có quan điểm trước mắt phần ông bà được hưởng tạm giao cho bà Đức Thị C quản lý do vậy để thuận tiệ n cho việc bà Đức Thị C trông coi quản lý hai diện tí ch đất của ông Tô Quang T 2 và bà Tô Thị Đ và thuận tiện cho việc sau này ông Tô Quang T2 sửa chữa ngôi nhà của bố mẹ thì chia cho bà Tô Thị Đ 114m^2 đất tại vị trí cạnh vị trí đất ông Tô Quang T2 được giao, (vị trí kích thước mốc giới có sơ đồ kèm theo).

[13] Để tạo điều kiện thuận tiệ n cho việc bà Đức Thị C trông nom quản lý hai diện tích đất của ông Tô Quang T 2 và bà Tô Thị Đ , hơn nữa tạ i phiên tòa anh Tô Quang T3 có quan điểm nếu chia cho mẹ anh phần đất có ngôi nhà củ a anh thì anh không buộc mẹ anh phải bồi thường, vì vậy chia cho bà Đức Thị C diện tích 138,2m^2 đất công sức tại vị trí có n gôi nhà của anh Tô Quang T 3, (vị trí kích thước mốc giới có sơ đồ kèm theo).

[14] Phần đất còn lại giao cho các thừa kế bà Tô Thị K, bà Tô Thị L1, bà Tô Thị C2, bà Tô Thị L, ông Tô Quang H mỗi người 114m^2 đất, (vị trí kích thước mốc giới có sơ đồ kèm theo).

[15] Trên phần đất giao cho ông Tô Quang H và bà Tô Thị C2 có ngôi nhà của anh Tô Quang Ph, hiện anh Tô Quang Ph đã có nơi ở khác, ngôi nhà này ông Tô Quang H và bà Tô Thị C2 không thể sử dụng chung, nếu phân chia ngôi thì không đảm bảo sinh hoạt tối thiểu của một gia đình do vậy anh Tô Quang Ph phải có trách nhiệm di rời để trả lại mặt bằng đất cho ông Tô Quang H, bà Tô Thị C2.

[16] Anh Tô Quang Ph kháng cáo đề nghị xem xét công sức của vợ chồng anh: Xét, việc làm nghĩa vụ với Nhà nước là do bà Đức Thị C thực hiện. Khi cụ Tô Quang Điểm và Nguyễn Thị Khuy còn sống thì anh Tô Quang Ph còn nhỏ không có công sức gì đối với hai cụ. Công sức trông nom, duy trì nhà đất và chăm sóc hai cụ được tính cho bà Đức Thị C chứ không phải cho anh Tô Quang Ph.

[17] Anh Tô Quang T3 có nguyện vọng con còn nhỏ, không có nơi ở nào khác và đề nghị hoãn chia thừa kế, xét: Ngôi nhà của anh Tô Quang T3 nằm trên phần đất giao cho bà Đức Thị C. Anh Tô Quang T3 cũng không yêu cầu bà Đức Thị C phải bồi thường trị giá ngôi nhà. Ngôi nhà là nơi sinh sống duy nhất của vợ chồng nên vợ chồng anh sẽ được lưu cư tại ngôi nhà. Việc thanh toán trị giá ngôi nhà và thời gian lưu cư thì do bà Đức Thị C và anh Tô Quang T3 tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

[18] Từ phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đức Thị C, anh Tô Quang T3, một phần kháng cáo của các nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ, anh Tô Quang Ph. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[19] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm sẽ được sửa lại. Các ông bà Tô Quảng T2, Tô Thị K, Tô Thị L1, Tô Thị L, Tô Thị C2, Tô Thị Đ đều trên 60 tuổi thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đức Thị C, ông Tô Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trị giá tài sản được hưởng. Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào cứ khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 147, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 36 của Pháp lệnh về thừa kế năm 1990;

Căn cứ điểm b Điều 10 Nghị quyết số 02 ngày 19 tháng 10 năm 1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh về thừa kế năm 1990;

Căn cứ vào Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đức Thị C và anh Tô Quang T 3; chấp nhận một phần kháng cáo của các ông bà Tô Thị K , Tô Thị L 1, Tô Thị L (tức C1), Tô Thị C 2, Tô Quang H (tức T 1); không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ, anh Tô Quang Ph.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Tô Thị K, Tô Thị L 1, Tô Thị L (tức C1), Tô Thị C2, Tô Quang H (tức T1) về việc chia di sản của cụ Tô Quang Điềm và cụ Nguyễn Thị Khuy là 936,2m^2 đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 43 (Thửa số 10; bản đồ 37 - HD; bản đồ năm 1995), Tổ dân phố QT, phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng theo pháp luật.

1. Chia cho bà Đức Thị C được hưởng công sức là quyền sử dụng 138,2m^2 đất (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

2. Chia cho các ông bà Tô Thị K, Tô Thị L1, Tô Thị L (tức Cử), Tô Thị C2, Tô Quang H (Tức T1), Tô Quang T2, Tô Thị Đ mỗi người quyền sử dụng 114m^2 đất (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

3. Anh Tô Quang Ph, chị Vũ Thị H có trách nhiệm di dời ngôi nhà trên phần đất chia cho bà Tô Thị C2 và ông Tô Quang H để trả lại mặt bằng đất.

4. Tạm giao cho bà Đức Thị C trông coi, quản lý diện tích đất ông Tô Quang T2, bà Tô Thị Đ được chia.

5. Bà Đức Thị C, anh Tô Quang Ph, chị Vũ Thị H, anh Tô Quang T3 phải có trách nhiệm bàn giao phần di sản thừa kế đã được chia cho các ông bà Tô Thị K, bà Tô Thị L1, bà Tô Thị L (tức C1), bà Tô Thị C2, Tô Quang H (tức T1) theo nội dung Bản án này.

6. Việc thanh toán ngôi nhà cũng như thời gian lưu cư của anh Tô Quang T3 do hai mẹ con bà Đức Thị C và anh Tô Quang T3 tự thỏa thuận giải quyết.

7. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế tài sản ngôi nhà của cụ Tô Quang Điềm và Nguyễn Thị Khuy do các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện

8. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm , phúc thẩm cho các ông bà Tô Quảng T 2, Tô Thị K, Tô Thị L1, Tô Thị L (tức C1), Tô Thị C2, Tô Thị Đ.

Bà Đức Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.006.400 đồng và phải chịu án phí dân sự phúc thẩm . Tạm giữ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0006917 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn để đảm bảo thi hành án.

Ông Tô Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.328.000 đồng. Được trừ số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006825 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn . Tạm giữ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phú c thẩm đã nộp theo Biên lai số 0006914 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả cho anh Tô Quang Ph, anh Tô Quang T3 mỗi người 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí dâ n sự phúc thẩm đã nộp Biên lai số 0006917 ngày 20 tháng 12 năm 2018 và Biên lai số 0006910 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thu Hương